

Số: 19 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 22/QĐ-TTr ngày 02/01/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội, ngày 15/01/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 22/01/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102848, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 21/11/2023.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: kinh doanh thủy sản.
- Điện thoại giao dịch: 0243 8343146; Fax: 0243 8354125.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 20 Phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Các tài khoản giao dịch của doanh nghiệp:
 - + Tài khoản số 0021000489462 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công;
 - + Tài khoản số 113000062869 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long;
 - + Tài khoản số 172214851024789 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình.
- Doanh nghiệp đã thành lập công đoàn cơ sở.
- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 34 người, trong đó có 15 lao động nữ.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Tuy nhiên, báo cáo chưa đúng thời hạn (báo cáo năm 2023 lập và gửi ngày 05/01/2024).

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp thực hiện đăng thông tin tuyển dụng qua các trang mạng xã hội và niêm yết thông báo tại bảng tin của doanh nghiệp. Phỏng vấn trực tiếp người ứng tuyển.

- Không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tiền hoặc tài sản khác của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.

- Chưa xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Đã lập, cập nhật, quản lý sổ quản lý lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không thực hiện đào tạo nghề cho người lao động, không ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề với người học nghề, tập nghề.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 01 người (Tổng giám đốc).

- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 33 người. Doanh nghiệp đã giao kết hợp đồng lao động đối với 33 người, cụ thể:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 30 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 03 người.

- Doanh nghiệp không sử dụng người lao động thuê lại.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không có lao động bị mất việc làm.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp có 07 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 02 người lao động đủ điều kiện hưởng với số tiền là 27.622.250 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể

- Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; chưa phát sinh đối thoại đột xuất khi có yêu cầu.

- Đã ký kết thỏa ước lao động tập thể.

- Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có yêu cầu bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng.

- Đã thực hiện theo các nội dung đã thỏa thuận trong thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp.

- Đã gửi thỏa ước lao động tập thể đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng là 4.680.000 đồng/tháng.

- Thu nhập thấp nhất, cao nhất, bình quân:

+ Thu nhập thấp nhất: 5.000.0000 đồng/người/tháng.

+ Thu nhập cao nhất: 26.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thu nhập bình quân: 7.500.000 đồng/người/tháng.

- Doanh nghiệp áp dụng phương pháp trả lương qua tài khoản của người lao động được mở tại ngân hàng thương mại. Người lao động không phải trả các chi phí liên quan đến việc mở và duy trì tài khoản.

- Doanh nghiệp áp dụng hình thức trả lương theo thời gian đối với bộ phận văn phòng, theo sản phẩm đối với bộ phận kinh doanh.

- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định.

- Tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm vào ban đêm: không phát sinh.

- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc: không phát sinh do người lao động đã nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh người lao động ngừng việc; không thực hiện xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương, khấu trừ tiền lương người lao động.

- Đã chi tiền ăn ca cho người lao động với mức 100.000 đồng/người/ngày.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần đối với khối văn phòng (nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật); 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần đối với bộ phận kinh doanh.

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định (không quá 40 giờ/tháng, 200 giờ/năm).

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với toàn bộ người lao động (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động (năm 2007). Nội quy lao động không có nội dung theo quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Điều 2: không có nội dung quy định ngày nghỉ hằng tuần; nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương.

+ Không có nội dung về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

+ Không có nội dung về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

+ Không có nội dung về bảo vệ tài sản và bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động.

+ Không có nội dung về trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động.

+ Không có nội dung về các hành vi vi phạm kỷ luật lao động của người lao động và các hình thức xử lý kỷ luật lao động.

+ Không có nội dung về trách nhiệm vật chất.

+ Không có nội dung quy định về người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động.

- Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 15 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

+ Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc và được hưởng nguyên lương; lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày làm việc và được hưởng nguyên lương.

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

+ Việc thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động: không phát sinh.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người lao động nước ngoài, lao động là người khuyết tật

Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật

8.3. Đối với người lao động cao tuổi

- Tổng số người lao động cao tuổi: 01 người (ông Trần Văn Hùng).

- Doanh nghiệp thỏa thuận với người lao động cao tuổi tại hợp đồng lao động đã giao kết về thời gian làm việc 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không.

- Số lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động: không.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

- Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động: không phát sinh.

- Việc thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên: không phát sinh do không có tổ sản xuất, chỉ thực hiện kinh doanh

- Đã thành lập Ban An toàn, vệ sinh lao động theo quyết định số 391/QĐ-TSHN-HCTC ngày 15/12/2023 của Tổng giám đốc doanh nghiệp gồm 8 người.

- Đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Trung tâm bác sỹ gia đình Hà Nội để bảo đảm công tác y tế tại doanh nghiệp.

- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 02 thang máy đã được kỹ thuật an toàn lao động.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động theo quy định.

- Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Việc thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, có hại: không phát sinh.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh tai nạn lao động.

- Việc thực hiện quan trắc môi trường lao động: không phát sinh.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản; người lao động cao tuổi được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng/ lần.

- Đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người lao động theo quy định.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 33 người.

+ Số người đã tham gia: 32 người.

+ Số người chưa tham gia: 01 người (Phạm Tuấn Anh mới ký hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng từ tháng 01/2024, đang làm thủ tục tham gia).

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: 01 người cao tuổi. Doanh nghiệp đã trả khoản tiền tương đương với mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động không thuộc đối tượng phải tham gia theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp.

- Số tiền phải đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội tháng 12/2023: 80.041.920 đồng. Số tiền chậm đóng: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã đăng thông tin tuyển dụng; không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tiền hoặc tài sản khác của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.

1.3. Đã lập, cập nhật, quản lý sổ quản lý lao động.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.5. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.6. Đã ký thỏa ước lao động tập thể và thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết.

1.7. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.8. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

1.9. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ, tết cho người lao động theo quy định.

1.10. Đã thực hiện quy định về ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động tại doanh nghiệp.

1.11. Đã chi tiền ăn ca cho người lao động với mức 100.000 đồng/người/ngày.

1.12. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động.

1.13. Doanh nghiệp không có trường hợp người lao động bị xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất; không phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.14. Doanh nghiệp sử dụng 15 người lao động nữ và đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.15. Doanh nghiệp sử dụng 01 người lao động cao tuổi và đã thực hiện quy định đối với người lao động cao tuổi.

1.16. Tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.17. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.18. Đã bố trí bộ phận làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và bộ phận làm công tác y tế theo quy định.

1.19. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.20. Đã xây dựng và ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.21. Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.22. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.23. Đã khám sức khoẻ định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.24. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.25. Đã trích đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động năm 2023 với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội không đúng thời hạn (lập và gửi ngày 05/01/2024) theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Chưa xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Bộ luật Lao động.

2.3. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng là không đúng trình tự quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động năm 2019.

2.4. Nội quy lao động không có nội dung theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Điều 2: không có nội dung quy định ngày nghỉ hằng tuần; nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Không có nội dung về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Không có nội dung về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Không có nội dung về bảo vệ tài sản và bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Không có nội dung về trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Không có nội dung về các hành vi vi phạm kỷ luật lao động của người lao động và các hình thức xử lý kỷ luật lao động theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Không có nội dung về trách nhiệm vật chất theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Không có nội dung quy định về người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Khắc phục các vi phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục vi phạm nêu tại điểm 2.1 khi phát sinh.

- Khắc phục các vi phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này, doanh nghiệp báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện Kết luận thanh tra (gửi kèm các văn bản, hồ sơ có liên quan) gửi về Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

